

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh
2. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh dầu khí
3. Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh mỏ

Hà Nội, năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

Đại học Mỏ - Địa chất			Đại học Kinh tế Quốc Dân			Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh			Đại học Thương Mại		
Tên học phần	Mã học phần	TC	STT	Tên học phần	TC	STT	Tên Học Phần	TC	STT	Tên học phần	TC
Kiến thức giáo dục đại cương		41	1	Kiến thức giáo dục đại cương		1	Kiến thức giáo dục đại cương			Kiến thức giáo dục đại cương	32
Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		35		Kiến thức bắt buộc	38		Kiến thức Bắt buộc	33		Các học phần bắt buộc	30
1 Toán cao cấp 1	4010113	3	1	Toán cho các nhà kinh tế 1+2	5		Toán cao cấp	4	1	Toán cao cấp 1,2	4
2 Xác suất thống kê	4010104	3	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
3 Tiếng Anh PET1	4010607	3	3	Ngoại ngữ	9		Ngoại ngữ (Phần 1 và 2)	7		Tiếng anh 1,2,3	6
4 Tiếng Anh PET2	4010608	3									4
5 Giáo dục thể chất 1	4010701	1	4	Giáo dục thể chất	5						4
6 Giáo dục thể chất 2	4010702	1									4
7 Giáo dục thể chất 3	4010703	1									4
8 Giáo dục thể chất 4	4010704	1									
9 Giáo dục thể chất 5	4010705	1									
Nguyễn lý cơ bản của Chủ nghĩa				Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin1	2		Nguyễn lý cơ bản chủ nghĩa Mác -Lênin	5		Nguyễn lý cơ bản chủ nghĩa Mác lê Nin 1	2
10 Mác Lê nin 1	4020101	2	5								
Nguyễn lý cơ bản của Chủ nghĩa			6	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 2	3					Nguyễn lý cơ bản chủ nghĩa Mác lê Nin 2	3
11 Mác Lê nin 2	4020102	3									
Pháp luật đại cương	4020103	2	7	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2
12 Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	2	8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng HCM	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
Đường lối cách mạng của Đảng				Đường lối cách mạng ĐCSVN	3		Đường lối cách mạng ĐCSVN	3		Đường lối cách mạng ĐCSVN	3
14 công sản Việt Nam	4020301	3	9								
Tin học B + thực hành(dùng cho				Tin học đại cương	3		Tin học đại cương	3		Tin học đại cương	3
15 Kĩ (ế)	4080217	3	10								
16 Đường lối quân sự của Đảng	4300111	3									
17 Công tác quốc phòng an ninh	4300112	2	11	Giáo dục quốc phòng	8						
Quản sự chung, chiến thuật và											
18 Kỹ thuật, bắn súng AK	4300211	3									
			12	Quản lý học	3		Tối ưu hóa	2		Phương pháp nghiên cứu khoa học	
			13	Quản trị kinh doanh	3		Kinh tế quốc tế	2			

[illegible]

[illegible]

61	Cơ sở khai thác lộ thiên	4030114	2																	
62	Cơ sở khai thác hầm lò	4030222	2																	
63	Cơ sở tuyển khoáng	4030422	2																	
64	Địa chất đại cương	4040101	3																	
65	Địa mạo cảnh quan	4040110	2																	
66	Cơ sở địa chất công trình - Địa chất thủy văn	4040517	3																	
67	Cơ sở viễn thám	4050302	2																	
68	Trắc địa đại cương	4050526	2																	
69	Kỹ thuật môi trường	4050509	2																	
70	Địa vật lý đại cương	4060142	2																	
71	Thiết kế Website	4080153	2																	
72	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	4100167	2																	
73	Môi trường và phát triển bền vững	4110114	2																	
74	Môi trường và con người	4110236	2																	
75	Văn hóa doanh nghiệp	4070333	2																	
75.5	Thực tập nghề nghiệp		8tuần																	
76	Thực tập nghề nghiệp vụ kinh tế (3 tuần)	4070317	2																	
77	Thực tập tốt nghiệp (5 tuần)	4070318	3																	
77.6	Đồ án tốt nghiệp		13tuần																	
78	Đồ án tốt nghiệp	4070319	7																	
Tổng số TC			128							129										

BỘ MÔN

[Signature]

TS. Phạm Thị Quỳnh

KHOA

[Signature]



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

PGS.TS. Phạm Thị Quỳnh

120

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		MÃ BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ						
					1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số tín chỉ			130							
	Kiến thức giáo dục đại cương			44							
	Kiến thức bắt buộc			32							
1	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL	2	2						
2	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL	3		3					
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT	2			2				
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL	3				3			
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3				
6	6	Toán cho các nhà kinh tế 1 Mathematics for Economics 1	TOCB	2	2						
7	7	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3		3					
8	8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3			3				
9	9	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS	2	2						
10	10	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT	3	3						
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	5	1	1	1	1	1		
		Giáo dục quốc phòng Military Education	GDQP	8	4	4					
	Kiến thức bắt buộc của Trường			12							
11	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI	3	3						
12	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA	3		3					
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT	3			3				
14	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH	3				3			
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86							
	Kiến thức bắt buộc của Trường			9							
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT	3				3			

16	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHILT	3			3				
17	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE	3			3				
<i>Kiến thức chung của ngành</i>				30							
18	1	Quản trị chiến lược 1 Strategic Management 1	QTKD	3					3		
19	2	Quản trị Marketing Marketing Management	MKMA	3				3			
20	3	Quản trị tác nghiệp 1 Operations Management 1	QTKD	3					3		
21	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT	3					3		
22	5	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC	3					3		
23	6	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD	3						3	
24	7	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI	3				3			
25	8	Kinh doanh quốc tế 1 International Business 1	TMKD	3						3	
26	9	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT	3							3
27	10	Thống kê kinh doanh Business Statistics	TKKD	3					3		
<i>Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)</i>				12							
28	1	Xã hội học Sociology	NLXH	2	2						
		Lịch sử các học thuyết kinh tế History of Economic Theories	LLNL								
		An sinh xã hội Social Security	BHKT								
29	2	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT	2	2						
		Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT								
		Kinh tế và Quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT								
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT								

30	3	Văn hóa và đạo đức kinh doanh Business Ethics and Culture	QTVH	2					2		
		Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh English for Business Management	QTKD								
31	4	Kinh doanh bất động sản Real Estate Business	TNBD	2							
		Quản trị kinh doanh bảo hiểm Insurance Business Administration	BHKT								
		Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK								
32	5	Quản trị kinh doanh công nghiệp Industrial Business Management	QTKD	2							
		Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	TMKT							2	
		Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT								
33	6	Quản trị kinh doanh xây dựng Constructions Business Management	QTKD	2					2		
		Quản trị văn phòng Office Administration	QTKD								
		Quản lý công nghệ Management of Technology	QLCN								
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành				17							
34	1	Quản trị kinh doanh 2 Business Management 2	QTTH	3					3		
35	2	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	QTTH	3						3	
36	3	Tái lập doanh nghiệp Business Reengineering	QTTH	3							3
37	4	Quản trị chi phí kinh doanh Business Cost Management	QTTH	3							3
38	5	Kiểm soát Controlling	QTTH	3						3	
39	6	Đề án Quản trị kinh doanh tổng hợp Course Project of General Business Management	QTTH	2					2		
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				8							
40	1	Quản trị chất lượng Quality Management	QTTH	2							
		Chuyên đề chiến lược kinh doanh toàn cầu Global Business Strategy	QTTH							2	
		Chuyên đề Phương pháp tối ưu trong kinh doanh Optimized Method in Business	QTTH								

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaoncu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.uieh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủ y lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://uit.edu.vn/ktvt/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.htm>

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên kiến thức hiện đại về quản lý kinh doanh và những bài học kinh nghiệm quản lý của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm giúp họ có những kỹ năng cần thiết và phẩm chất phù hợp để quản lý doanh nghiệp một cách khoa học và có hiệu quả cao. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, công ty, tổng công ty, các đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực: sản xuất, dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, tiền tệ.

2. Chương trình đào tạo

Stt	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
	Kiến thức giáo dục đại cương	37	
1	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin	5	
2	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	3	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	Ngoại ngữ (Phần 1 và 2)	7	
5	Toán cao cấp	4	
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	
7	Pháp luật đại cương	2	
8	Tin học đại cương	3	
9	Tối ưu hóa	2	
10	Kinh tế quốc tế	2	
11	Quản trị học	2	
12	Kinh tế phát triển	2	
	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
13	Kinh tế vi mô I	3	
14	Kinh tế vĩ mô I	3	
	Các học phần tự chọn đại cương	6	
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	SV ngành QTKD chọn 2
	Marketing căn bản		

	Nguyên lý kế toán		môn: Nguyên lý
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	thống kê kinh tế và Lý thuyết tài chính tiền tệ
	Lý thuyết tài chính tiền tệ		
	Luật lao động		
	Kiến thức cơ sở ngành	9	
17	Kinh tế lượng	3	
18	Nguyên lý kế toán	3	
19	Marketing căn bản	3	
	Kiến thức ngành	25	
20	Quản trị học II	2	
21	Quản trị chiến lược	3	
22	Quản trị nguồn nhân lực	3	
23	Quản trị tài chính	3	
24	Quản trị marketing	2	
25	Giao tiếp kinh doanh	2	
26	Hành vi tổ chức	2	
27	Quản trị chất lượng I	2	
28	Nghiên cứu thị trường	2	
29	Quản trị kinh doanh quốc tế I	2	
30	Quản trị rủi ro	2	
	Kiến thức bổ trợ	13	
31	Ngoại ngữ	5	
32	Luật kinh tế	2	
33	Thị trường chứng khoán	2	
34	Thanh toán quốc tế	2	
35	Kế toán quản trị	2	
	Kiến thức chuyên ngành	18	
36	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	2	

37	Quản trị dự án	2	
38	Quản trị sản xuất và điều hành	2	
39	Quản trị công nghệ	2	
40	Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	
41	Đạo đức kinh doanh	6	Chọn 3 trong 4 môn: 3 x 2 = 6
	Quản trị văn phòng		
	Hệ thống sản xuất tinh gọn		
	Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn		
42	Báo cáo ngoại khóa	2	
	Thực tập và tốt nghiệp	10	
	Tổng cộng	124	

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaotao.neu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanChinh/ChươngTrìnhĐàoTao/DHCO/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủ y lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://utt.edu.vn/ktvt/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.html>

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
HỆ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTM ngày.... tháng 2 năm 2017)

1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43 TC
1.1.	Các học phần bắt buộc	30
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5	Pháp luật đại cương	2
6	Tiếng Anh 1	2
7	Tiếng Anh 2	2
8	Tiếng Anh 3	2
9	Toán cao cấp 1	2
10	Toán cao cấp 2	2
11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
12	Tin học đại cương	3
13	Phương pháp NCKH	2
1.2.	Các học phần tự chọn	2
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>	
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
2	Xã hội học đại cương	2
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
1.3.	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	11
1	Giáo dục thể chất	3
2	Giáo dục quốc phòng	8
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	88 TC
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	25
2.1.1.	Các học phần bắt buộc	20
1	Kinh tế vi mô I	3
2	Kinh tế vĩ mô I	3
3	Quản trị học	3
4	Marketing căn bản	3
5	Nguyên lý kế toán	3
6	Kinh tế lượng	3
7	Tiếng Anh 4	2
2.1.2.	Các học phần tự chọn	5
	<i>Chọn 5 TC trong các HP sau:</i>	
1	Nguyên lý thống kê	3
2	Nhập môn Tài chính tiền tệ	3
3	Hành vi mua của khách hàng	3
4	Hành vi tổ chức	3
5	Tâm lý quản trị kinh doanh	2
6	Quản trị hành chính văn phòng	2
7	Kinh tế doanh nghiệp	2

8	Kinh tế thương mại 1	2
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	39
2.2.1.	Các học phần bắt buộc	33
1	Quản trị nhân lực căn bản	3
2	Quản trị tài chính	3
3	Quản trị chiến lược	3
4	Quản trị sản xuất	3
5	Quản trị bán hàng	3
6	Quản trị dự án	3
7	Quản trị Marketing 1	3
8	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3
9	Quản trị thương hiệu 1	3
10	Quản trị rủi ro	2
11	Quản trị nhóm làm việc	2
12	Văn hóa kinh doanh	2
2.2.2.	Các học phần tự chọn	6
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>	
1	Quản trị công ty	3
2	Quản trị chất lượng	3
3	Quản trị logistic kinh doanh	3
4	Quản trị dịch vụ	3
5	Thương mại điện tử căn bản	3
6	Hệ thống thông tin quản lý	3
7	Quản trị công nghệ	3
2.3.	Kiến thức bổ trợ	14
2.3.1.	Các học phần bắt buộc	11
1	Khởi sự kinh doanh	2
2	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	3
3	Luật Kinh tế 1	3
4	Ngoại ngữ 2	3
2.3.2.	Các học phần tự chọn	3
	<i>Chọn 3 TC trong các HP sau:</i>	
1	Thị trường chứng khoán	3
2	Kiểm toán căn bản	3
3	Kế toán quản trị	3
4	Quản lý nhà nước về thương mại	3
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10

Tổng số TC tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 TC; trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG

GS,TS. Đinh Văn Sơn

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaotao.neu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủ y lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://uit.edu.vn/ktv/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.html>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH DẦU KHÍ VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI

Đại Học Mỏ - Địa chất (Ngành QTKD Dầu Khí)				Đại học Kinh tế Quốc Dân (Ngành QTKD Tổng hợp)				Đại học Thủy Lợi (Ngành kinh tế Tài nguyên Nước)				Đại học Công nghệ Giao Thông Vận Tải (Ngành Kinh tế Xây dựng Giao thông vận tải)			
STT	Tên nhóm kiến thức	Mã môn học	TC	STT	Tên học phần	TC	STT	Tên học phần	TC	STT	Học phần	TC			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		41	I	Kiến thức giáo dục đại cương			Giáo dục đại cương			Kiến thức giáo dục đại cương				
II.1	Kiến thức bắt buộc		35		Kiến thức bắt buộc	38		Kiến thức bắt buộc	34		Kiến thức bắt buộc	32			
	Toán cao cấp I	4010113	3	1	Toán cho các nhà kinh tế 1+2	5		Toán cao cấp I,II, III	6		Toán 1,2	7			
	Xác suất thống kê	4010104	3	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		Xác suất thống kê	2		Lý thuyết xác suất thống kê	2			
	Tiếng Anh PET1	4010607	3	3	Ngoại ngữ	9		Tiếng anh I, II, III	8		Tiếng anh 1	4			
	Tiếng Anh PET2	4010608	3						Tiếng anh 2			4			
	Giáo dục thể chất 1	4010701	1				Giáo dục thể chất	5		Giáo dục thể chất		5			
	Giáo dục thể chất 2	4010702	1	4	Giáo dục thể chất	5									
	Giáo dục thể chất 3	4010703	1												
	Giáo dục thể chất 4	4010704	1												
	Giáo dục thể chất 5	4010705	1												
	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 1	4020101	2	5	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin1	2		Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác Lê Nin 1	2		Nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác Lê Nin 1	2			
	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	4020102	3	6	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin 2	3		Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác Lê Nin 2	3		Nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	3			
	Pháp luật đại cương	4020103	2	7	Pháp luật đại cương	2		Pháp luật đại cương	2		Pháp luật Đại cương	2			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	2	8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
	Đường lối cách mạng của Đảng	4020301	3	9	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3		Đường lối cách mạng ĐCS	3		Đường Lối CM ĐCSVN	3			
	Tin học B+TH (đúng cho k.tế)	4080217	3	10	Tin học đại cương	3		Tin học văn phòng	3		Tin đại cương	3			
	Đường lối quân sự của Đảng	4300111	3	11	Giáo dục quốc phòng	8		Kỹ năng giao tiếp và thuyết	3		Giáo dục quốc phòng	8			
	Công tác quốc phòng an ninh	4300112	2												
	Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật. bắn súng AK	4300211	3												
				12	Quản Lý học	3									
				13	Quản trị kinh doanh	3									
1.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn - 6		6								Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	4			
	Toán cao cấp 2	4010114	3								Phương pháp nghiên cứu khoa học	2			

	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	3						Môi trường trong giao thông vận tải	2
	Hóa học đại cương phần 1 + TN	4010301	3						Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	2
	Tin học A + thực hành	4080215	3						Sơ đồ văn bản	2
	Tiếng anh KET 1	4010605	2							
	Tiếng anh KET 2	4010606	2							
	Kiến thức giáo dục chuyên ngành									
	II ngành		87	II nghiệp	61	Kiến thức giao dục chuyên nghiệp			Kiến thức giao dục chuyên nghiệp	
II.1	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		20	II.1 Kiến thức bắt buộc	3	Cơ sở khối ngành bắt buộc	27	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		28
	Kinh tế vi mô	4070101	3	14 Kinh tế Vi Mô 1	3	Kinh tế vi mô	3	Mây xây dựng		2
	Kinh tế vĩ mô	4070102	3	15 Kinh tế Vĩ Mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế lượng		3
	Kinh tế lượng	4070103	3	16 Kinh tế lượng		Kinh tế lượng 1	3			
	Marketing căn bản	4070205	3							
	Nguyên lý kế toán	4070401	3	17 Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán		3
	Luật Kinh tế	4070107	2	18 Pháp luật kinh doanh	3	Luật kinh tế	2			
	Thông kê kinh tế doanh nghiệp	4070110	3	19 Quản trị kinh doanh 2	3	Nguyên lý thống kê	3			
				20 Quản trị tài chính	3	Lịch sử các học thuyết kinh	2	Kinh tế học		4
				21 Hệ thống thông tin quản lý	3	Kinh tế quốc tế	3	Vẽ kỹ thuật		3
				22 Quản trị chiến lược	3	Lý thuyết trò chơi	2	Cơ kỹ thuật		3
				23 Quản trị nhân lực	3	Mô hình tăng trưởng và ph	3	Địa kỹ thuật		3
				Đề án QTKD Tổng hợp 2	1			Trắc địa		2
				24 Quản trị Marketing	3			Vật liệu xây dựng		2
				25 Quản trị tác nghiệp	3			Kết cấu thép và bê tông cốt thép		3
				26 Kinh doanh quốc tế	3			Học phần tự chọn (SV chọn 4TC)		4
				27 Thống kê kinh doanh	3			Quản trị học		2
				28 Lý thuyết tài chính tiền tệ	3			An toàn lao động		2
				29 Kinh tế vi mô 2	3			Pháp luật trong xây dựng		2
				30 Khởi sự kinh doanh	3			Thiết kế đường sắt		2
				31 Tái lập doanh nghiệp	3			Công trình cảng - đường thủy		
	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		43	32 Quản trị chi phí	3	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	6	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		
II.2	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		4	33 Kiểm soát	3	Kinh tế môi trường	3	Kiến thức bổ trợ		10
	Kỹ thuật đầu khí đại cương	4060402	2			Tin học ứng dụng trong kin	3	Thiết kế đường		2
	Cơ sở học hóa dầu	4060339	2					Xây dựng đường		3
								Thiết kế cầu		2
								Xây dựng cầu		3

[illegible]

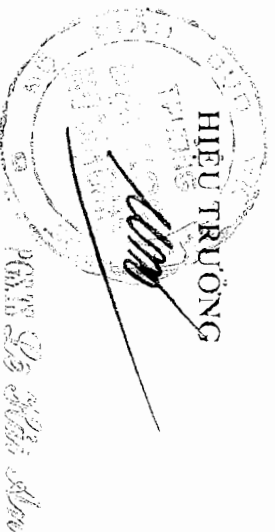
	Kinh doanh tiền tệ	4070415	2	37	Thị trường chứng khoán	2							
II.4	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường		6		Quản trị doanh nghiệp công nghệ								
	Kỹ năng soạn thảo văn bản qu	4000001	2		Quản trị kinh doanh thương mại								
	Tâm lý học đại cương	4000002	2	33	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	2							
	Kỹ năng giao tiếp và làm việc n	4000005	2		Quản trị kinh doanh xây dựng								
	Lịch sử triết học	4020104	2		Quản trị văn phòng								
	Autocad	4010403	2	34	Quản lý công nghệ	2							
	Cơ sở khai thác lộ thiên	4030114	2		Quản trị chất lượng								
	Cơ sở khai thác hầm lò	4030222	2		chuyên đề chiến lược kinh doanh								
	Cơ sở tuyển khoáng	4030422	2	35	Chuyên đề Phương pháp tối ưu t	2							
	Địa chất đại cương	4040101	3		Quản trị năng suất								
	Địa mạo cảnh quan	4040110	2		Nghiên cứu kinh doanh								
	Cơ sở địa chất công trình - Địa	4040517	3	36	Quản trị hậu cần	2							
	Cơ sở viễn thám	4050302	2		Quản trị đa văn hóa								
	Tắc địa đại cương	4050526	2		Quản trị đổi mới								
	Kỹ thuật môi trường	4050509	2	37	Giao tiếp kinh doanh và thuyết t	2							
	Địa chất Dầu khí Việt nam và t	4060209	2		Quản trị công ty								
	Quản lý phát triển mỏ dầu khí	4060217	2		Kỹ năng quản trị								
	Thiết kế Website	4080153	2	38	Quản trị điều hành dự án	2							
	Cơ sở xây dựng công trình ng	4100167	2										
	Môi trường và phát triển bền v	4110114	2										
	Môi trường và con người	4110236	2										
	Một số vấn đề cơ bản về quản l	4070335	2										
II.5	Thực tập nghề nghiệp		8tuần										
	Thực tập nghiệp vụ kinh tế (3 t	4070317	2										
	Thực tập tốt nghiệp (5 tuần)	4070318	3										
II.6	Đồ án tốt nghiệp		13tuần		Chuyên đề thực tập	10							
	Đồ án tốt nghiệp	4070319	7										
	Cộng		128			129					97		

BỘ MÔN

KHOA

TS. Đoàn Phú Thái

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đoàn Phú Thái

130

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		MÃ BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ						
					1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số tín chỉ			130							
	Kiến thức giáo dục đại cương			44							
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>			<i>32</i>							
1	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL	2	2						
2	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL	3		3					
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT	2			2				
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political Revolution Roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL	3				3			
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3				
6	6	Toán cho các nhà kinh tế 1 Mathematics for Economics 1	TOCB	2	2						
7	7	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3		3					
8	8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3			3				
9	9	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS	2	2						
10	10	Tin học đại cương Basic Informatics	TIKT	3	3						
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	5	1	1	1	1	1		
		Giáo dục quốc phòng Military Education	GDQP	8	4	4					
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			<i>12</i>							
11	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI	3	3						
12	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA	3		3					
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT	3			3				
14	4	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH	3				3			
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			86							
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			<i>9</i>							
15	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT	3				3			

16	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT	3			3				
17	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE	3			3				
Kiến thức chung của ngành				30							
18	1	Quản trị chiến lược 1 Strategic Management 1	QTKD	3					3		
19	2	Quản trị Marketing Marketing Management	MKMA	3				3			
20	3	Quản trị tác nghiệp 1 Operations Management 1	QTKD	3					3		
21	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT	3					3		
22	5	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC	3					3		
23	6	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD	3						3	
24	7	Kinh tế vi mô 2 Microeconomics 2	KHMI	3				3			
25	8	Kinh doanh quốc tế 1 International Business 1	TMKD	3						3	
26	9	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT	3							3
27	10	Thống kê kinh doanh Business Statistics	TKKD	3					3		
Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				12							
28	1	Xã hội học Sociology	NLXH	2	2						
		Lịch sử các học thuyết kinh tế History of Economic Theories	LLNL								
		An sinh xã hội Social Security	BHKT								
29	2	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT	2	2						
		Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT								
		Kinh tế và Quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT								
		Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT								

30	3	Văn hóa và đạo đức kinh doanh Business Ethics and Culture	QTVH	2					2		
		Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh English for Business Management	QTKD								
31	4	Kinh doanh bất động sản Real Estate Business	TNBD	2							
		Quản trị kinh doanh bảo hiểm Insurance Business Administration	BHKT								2
		Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK								
32	5	Quản trị kinh doanh công nghiệp Industrial Business Management	QTKD	2							
		Quản trị kinh doanh thương mại Commercial Business Management	TMKT								2
		Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT								
33	6	Quản trị kinh doanh xây dựng Constructions Business Management	QTKD	2					2		
		Quản trị văn phòng Office Administration	QTKD								
		Quản lý công nghệ Management of Technology	QLCN								
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành				17							
34	1	Quản trị kinh doanh 2 Business Management 2	QTTH	3					3		
35	2	Khởi sự kinh doanh Entrepreneurship	QTTH	3						3	
36	3	Tái lập doanh nghiệp Business Reengineering	QTTH	3							3
37	4	Quản trị chi phí kinh doanh Business Cost Management	QTTH	3							3
38	5	Kiểm soát Controlling	QTTH	3						3	
39	6	Đề án Quản trị kinh doanh tổng hợp Course Project of General Business Management	QTTH	2					2		
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành (SV tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				8							
40	1	Quản trị chất lượng Quality Management	QTTH	2							
		Chuyên đề chiến lược kinh doanh toàn cầu Global Business Strategy	QTTH								2
		Chuyên đề Phương pháp tối ưu trong kinh doanh Optimized Method in Business	QTTH								

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaotao.neu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.uieh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanChinh/ChươngTrìnhĐàoTao/DHCO/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủy lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://uit.edu.vn/ktvt/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.html>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KINH TẾ**

Ban hành kèm theo quyết định số: 888/QĐ-DH TL ngày 06 tháng 05 năm 2016

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
GIỚI THIỆU ĐẠI CƯƠNG													
1.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			34								
1	Pháp luật đại cương	Basic Laws	ITL112	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	12	2	2						
2	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin I	Basic Principles of Marxist Leninism I	IDEO111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2							
3	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin II	Basic Principles of Marxist Leninism II	IDEO122	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3		3						
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh's Ideology	IDEO243	TTHCM&DLCM ĐCSVN	2			2					
5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Vietnam Communist Party's Revolution Line	IDEO234	TTHCM&DLCM ĐCSVN	3				3				
1.2	Kỹ năng	Communication Skills			3								
6	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COPS111	Phản triển kỹ năng	3	3							
1.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			11								
7	Toán I-II (Giới thiệu)	Mathematic I, II (Calculus)	ECOM111	Toán học	4	4							
8	Tin học văn phòng	Microsoft Office	MO111	Công nghệ phần mềm	3		3						
9	Toán III (Đại số tuyến tính)	Mathematics III (Linear Algebra)	MATH232	Toán học	2		2						
10	Toán V (Xác suất thống kê)	Mathematics V (Probability Statistics)	MATH253	Toán học	2			2					
1.4	Tiếng Anh	English		Tiếng Anh	8								
11	Tiếng Anh I	English 1	ENGL111	Tiếng Anh	2	2							
12	Tiếng Anh II	English 2	ENGL122	Tiếng Anh	3		3						
13	Tiếng Anh III	English 3	ENGL233	Tiếng Anh	3			3					
1.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165	4*							
1.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*			
1.7	Giáo dục kiến thức chuyên nghiệp	PROFESSIONAL EDUCATION			96								
1.8	Giáo dục kiến thức chuyên nghiệp	PROFESSIONAL EDUCATION			8								

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			7								
II.5	Kiến thức tự chọn	Selective Courses			20								7
II.5.1	Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Natural Resources Economics			20								
II.5.1.1	Kiến thức tự chọn bắt buộc cho chuyên ngành				14						3	11	
1	Kinh tế tài nguyên nước	Water Resources Economics	WRE316	Kinh tế	3						3		
2	Ứng dụng tối ưu hóa	Applied Optimization	APOP316	Kinh tế	2							2	
3	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên II	Natural Resources Economics II	NRE316	Kinh tế	3							3	
4	Kinh tế biến đổi khí hậu	Economics of Climate Change	ECC417	Kinh tế	2							2	
5	Tổ chức công nghiệp	Industrial Organizations	IOR112	Kinh tế	4							4	
II.5.1.2	Kiến thức tự chọn cho chuyên ngành				6					2	2	2	
1	Phân tích và dự báo kinh tế	Economic Analysis and Forecasting	EAF315	Kinh tế	2					2			
2	Phát triển sinh thái	Ecological Transition	ET315	Kinh tế	2					2			
3	Phát triển nông thôn	Rural development	RD326	Kinh tế	2						2		
4	Kinh tế học nghiệp	Energy economics	EE417	Kinh tế	2						2		
5	Kinh tế sinh thái	Ecological Economics	EE417	Kinh tế	2							2	
6	Kinh tế vi mô III	Microeconomics III	ME327	Kinh tế	2							2	
	Điều khiển ngân sách trong các mô hình kinh tế	Stochastic Control for Economic Models	SC417	Kinh tế	2							2	
II.5.2	Tổng cộng (I + II)	Total			130	16	18	18	18	19	18	16	7
	Chuyên ngành Kinh tế quốc tế	International Economics			20								
II.5.2.1	Kiến thức tự chọn bắt buộc cho chuyên ngành				13					2	5	6	
I	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế quốc tế I	English for International Economics I	EIE326	Kinh tế	2					2			
	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế quốc tế II	English for International Economics II	EIE330	Kinh tế	2								

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
1	Tài chính doanh nghiệp	Business Finance	BF326	Kế toán	3							3	
5	Kinh tế xã hội và chính sách phát triển vùng	Regional Economics and Development Policies	REDP326	Kinh tế	3							3	
6	Quản lý phát triển	Development Management	DMA327	Kinh tế	2							2	
7	Phân tích chính sách phát triển kinh tế - xã hội	Analysis of Socio-Economic Development Policies	ASDEP327	Kinh tế	2							2	
8	Chiến lược kinh doanh	Business Strategy	BS327	Kinh tế	2							2	
9	Kinh tế vĩ mô III	Macroeconomics III	MAI17	Kinh tế	2							2	
10	Kinh tế vĩ mô III	Macroeconomics III	MAI17	Kinh tế	2							2	
11	Kinh tế học đại học hiện đại	Economics of Climate Change	ECC326	Kinh tế	2							2	
	Tổng cộng (I + II)	Total			130	16	18	18	18	19	19	15	7

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaoneu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanhChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/quantrikingdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủ y lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://vut.edu.vn/ktvt/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.html>

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 3905/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Kinh tế xây dựng**
(Construction Economics)
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Kinh tế xây dựng**
Mã ngành: **52580301**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Kinh tế xây dựng nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kỹ thuật chuyên môn toàn diện, năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những biến đổi trong lĩnh vực Kinh tế xây dựng; có đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, ứng dụng, phân tích, tổng hợp các giai đoạn của dự án đầu tư xây dựng phù hợp với các qui định của pháp luật;

- Có trình độ tin học, ngoại ngữ để khai thác, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực chuyên ngành.

1.2.2. Kỹ năng

- Phân tích, đánh giá được dự án đầu tư xây dựng cơ bản;

- Đọc được bản vẽ và tính toán được khối lượng của hồ sơ thiết kế;

- Lập hồ sơ dự toán, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu xây lắp, hồ sơ thanh toán và quyết toán công trình;

- Lập được các kế hoạch: Tiến độ xây dựng, cung cấp lao động, vật tư, tài chính, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng công trình;

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần, các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thi nghiệm luận sử dụng thang điểm 10).

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 36 TC

Bao gồm 32 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		32 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC11.1.01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC11.1.02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC11.1.03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC11.1.04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC11.1.05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		12 TC
8	Toán 1	DC1CB11	4
9	Toán 2	DC1CB12	3
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
11	Tin học đại cương	DC1TT42	3
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
15	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht

1	Quản trị học	DC2KV72	2
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
2	Pháp luật trong xây dựng	DC2KN38	2
3	An toàn lao động	DC2CT65	2
4	Thiết kế đường sắt	DC2KN46	2
5	Công trình cảng - đường thủy	DC2KN47	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 45 TC

Bao gồm 39 TC các học phần bắt buộc và 6 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		39 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3KN33	3
2	Thống kê xây dựng	DC3KN61	3
3	Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng	DC3KN75	3
4	Đồ án Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng	DC3KN70	1
5	Kế toán xây dựng cơ bản	DC3KN38	3
6	Đồ án Kế toán xây dựng cơ bản	DC3KN39	1
7	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	DC3KN37	3
8	Kinh tế xây dựng	DC3KN71	3
9	Kinh tế đầu tư	DC3KN72	3
10	Quản trị dự án đầu tư	DC3KN73	2
11	Định giá sản phẩm xây dựng	DC3KN76	3
12	Đồ án Dự toán xây dựng công trình	DC3KN77	2
13	Tổ chức và quản lý thi công công trình xây dựng	DC3KN78	3
14	Đồ án Lập hồ sơ dự thầu xây dựng công trình	DC3KN79	2
15	Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng	DC3KN74	3
16	Đồ án Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng	DC3KN64	1
	* Học phần tự chọn		6 / 10 TC
1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2
2	Tin học ứng dụng	DC3KN93	2
3	Quản trị kinh doanh xây dựng	DC3KN63	2
4	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2
5	Điều tra qui hoạch xây dựng	DC3KN62	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (20 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		8 TC
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4KN21	4
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4KN22	4
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC

18	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			CÁC TIỀN TIẾN CẦN THIẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
19	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
2	Môi trường trong giao thông vận tải	DC1CB90	2	30			
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
4	Soạn thảo văn bản	DC1CB82	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		107				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		42				
	* Học phần bắt buộc		38				
1	Máy xây dựng	DC2GT42	2	30			
2	Nguyên lý kế toán	DC2KV68	3	45			
3	Kinh tế lượng	DC2KV63	3	45			DC1CB18
4	Vẽ kỹ thuật	DC2CO15	3	30	30		
5	Cơ kỹ thuật	DC2CO24	3	45			
6	Kinh tế học	DC2KV64	4	60			
7	Địa kỹ thuật	DC2KX31	3	45			
8	Trắc địa	DC2KX17	2	30			DC2CO15
9	Vật liệu xây dựng	DC2KX36	2	30			
10	Kết cấu thép và bê tông cốt thép	DC2KX37	3	45			DC2KX36
	<i>- Học phần tự chọn theo chuyên ngành: Kinh tế xây dựng Giao thông vận tải</i>						
11	Thiết kế đường	DC2KX41	2	30			DC2KX17
12	Xây dựng đường	DC2KX51	3	45			DC2KX41
13	Thiết kế cầu	DC2KX42	2	30			DC2KX37
14	Xây dựng cầu	DC2KX52	3	45			DC2KX42
	<i>- Học phần tự chọn theo chuyên ngành Kinh tế xây dựng Công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp</i>						
15	Kiến trúc dân dụng và công nghiệp	DC2KX43	2	30			DC2CO15
16	Kết cấu nhà dân dụng và công nghiệp	DC2KX44	3	45			DC2KX37

1	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	DC3QT12	2	30			DC3KV74
STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
2	Tin học ứng dụng	DC3KX93	2	15	30		DC3KX76
3	Quản trị kinh doanh xây dựng	DC3KX63	2	30			
4	Hệ thống thông tin quản lý	DC3QT94	2	30			DC3QT64
5	Điều tra qui hoạch xây dựng	DC3KX62	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp		20				
1	Thực tập nghiệp vụ 1	DC4KX21	4			180	DC3KX75
2	Thực tập nghiệp vụ 2	DC4KX22	4			180	DC3KX74
3	Thực tập tốt nghiệp	DC4KX70	4			180	DC4KX22
4	Đồ án tốt nghiệp	DC4KX80	8			480	DC4KX70
	Tổng cộng		143				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	36								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3			3					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2								
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3							3	
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2								
6	Tiếng Anh 1	4	4							
7	Tiếng Anh 2	4		4						
8	Toán 1	4	4							
9	Toán 2	3		3						
10	Lý thuyết xác suất - thống kê	2			2					
11	Tin học đại cương	3		3						
12	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 dvht	1							
13	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 dvht		1						
14	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 dvht			1					

46	Kế toán xây dựng cơ bản	3					3			
47	Đồ án Kế toán xây dựng cơ bản	1					1			
STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
48	Tài chính doanh nghiệp xây dựng	3					3			
49	Kinh tế xây dựng	3			3					
50	Kinh tế đầu tư	3				3				
51	Quan trị dự án đầu tư	2					2			
52	Định giá sản phẩm xây dựng	3								
53	Đồ án Dự toán xây dựng công trình	2								
54	Tổ chức và quản lý thi công công trình xây dựng	3							3	
55	Đồ án Lập hồ sơ dự thầu xây dựng công trình	2							2	
56	Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng	3							3	
57	Đồ án Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây dựng	1							1	
58	Tự chọn 5	2							2	
59	Tự chọn 6	2				2				
60	Tự chọn 7	2						2		
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp	20								
61	Thực tập nghề nghiệp vụ 1	4						4		
62	Thực tập nghề nghiệp vụ 2	4							4	
63	Thực tập tốt nghiệp	4								4
64	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng cộng		143	18	20	19	19	19	18	18	12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Kinh tế xây dựng thuộc ngành đào tạo Kinh tế xây dựng
- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:
 - + Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 - + Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;
- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.
- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải tìm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

DANH SÁCH ĐƯỜNG LINK CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ SO SÁNH

1. Đại học Kinh tế quốc dân – Ngành quản trị kinh doanh tổng hợp

<http://www.daotaotao.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-KINH-DOANH-TONG-HOP-GENERAL-BUSINESS-MANAGEMENT/150>

2. Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ngành Quản trị

<http://www.ueh.edu.vn/UserData/FileManagers/ToChucHanChinh/ChuongTrinhDaoTao/DHCQ/quantrikinhdoanh/quantri.pdf>

3. Đại học Thương mại – Ngành Quản trị kinh doanh Tổng hợp

<http://qtdn.vcu.edu.vn/Default.aspx?progid=3&sid=12&id=61>

4. Đại học Thủ y lợi – ngành Kinh tế tài nguyên nước

http://www.tlu.edu.vn/Portals/0/2017-3/21_KinhTe.pdf

5. Đại học Công nghệ giao thông vận tải

<http://uit.edu.vn/kitv/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-nganh-kinh-te-xay-dung-a2514.html>

**BẢNG ĐỐI CHIẾU SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH MỎ
VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRONG NƯỚC**

TT	Đại học Mỏ - Địa chất (<i>CN Quản trị DN Mỏ</i>)			ĐH Bách Khoa Hà nội (<i>CN Quản trị KD</i>)			ĐH Giao thông Vận tải (<i>CN Quản trị DN Vận tải</i>)			ĐH Kinh tế quốc dân (<i>CN Quản trị doanh nghiệp</i>)		
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC			
1	Kiến thức giáo dục đại cương		41	I.Kiến thức giáo dục đại cương	45	I.Kiến thức giáo dục đại cương	43	I.Kiến thức giáo dục đại cương	52			
L1 bước	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		35									
1	Toán cao cấp I	4010113	3	Giải tích I	4	Đại số tuyến tính + Giải tích	4	Toán cho các nhà kinh tế 1,2	5			
2	Xác suất thống kê	4010104	3	Xác suất thống kê	3	Xác suất thống kê	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán I	3			
3	Tiếng Anh PET1	4010601	3	Tiếng Anh TOEIC I	3	Ngoại ngữ (F1, F2)	7	Ngoại ngữ	9			
4	Tiếng Anh PET2	4010602	3	Tiếng Anh TOEIC II	3	Ngoại ngữ (F1, F2)		Ngoại ngữ				
5	Giáo dục thể chất 1	4010701	1	Giáo dục thể chất A	1	Giáo dục thể chất 1-5	5	Giáo dục thể chất	5			
6	Giáo dục thể chất 2	4010702	1	Giáo dục thể chất B	1	Giáo dục thể chất 1-5		Giáo dục thể chất				
7	Giáo dục thể chất 3	4010703	1	Giáo dục thể chất C	1	Giáo dục thể chất 1-5		Giáo dục thể chất				
8	Giáo dục thể chất 4	4010704	1	Giáo dục thể chất D	1	Giáo dục thể chất 1-5		Giáo dục thể chất				
9	Giáo dục thể chất 5	4010705	1	Giáo dục thể chất E	1	Giáo dục thể chất 1-5		Giáo dục thể chất				
10	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin I	4020101	2	Những NLCB của CN Mác-Lênin I	2	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin I	2	Những NLCB của CN Mác-Lênin I	2			
11	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	4020102	3	Những NLCB của CN Mác-Lênin II	3	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê nin 2	3	Những NLCB của CN Mác-Lênin II	3			
12	Pháp luật đại cương	4020103	2			Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2			
13	Tư tưởng H ồ Chí Minh	4020201	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			

TT	Đại học Mở - Địa chất (CN Quân trị DN Mô)			ĐH Bách Khoa Hà Nội (CN Quân trị KD)		ĐH Giao thông Vận tải (CN Quân trị DN Vận tải)		ĐH Kinh tế quốc dân (CN Quân trị doanh nghiệp)	
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
14	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	4020301	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Đường lối CM của Đảng CSVN	3
15	Tin học B + Thực hành (Khối kinh tế)	4080217	3			Tin học đại cương	3	Tin học đại cương	3
16	Giáo dục quốc phòng 4 tuần	4300101	3	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8	Giáo dục quốc phòng-an ninh	8
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn		6						
17	Toán cao cấp 2	4010114	3	Giải tích III	3				
18	Vật lý đại cương A1 + TN	4010201	3	Vật lý I	3				
19	Hóa học đại cương phần 1 +TN	4010301	3	Hóa đại cương	3				
20	Hình họa và Vẽ kỹ thuật + BTL	4010406	3	Đồ họa kỹ thuật	3				
21	Tin học A + Thực hành	4080215	3	Tin học đại cương	4				
22	Tiếng Anh KET 1	4010605	2						
23	Tiếng Anh KET 2	4010606	2						
II	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		87	II. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	79	II. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	84	II. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	86
II.f	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		20						
24	Kinh tế vi mô	4070101	3	Kinh tế học vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô I	3
25	Kinh tế vi mô	4070102	3	Kinh tế học vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô I	3
26	Kinh tế lượng	4070103	3	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng I	3
27	Marketing căn bản	4070205	3	Marketing cơ bản	3	Quản trị Marketing	3	Quản trị Marketing	3
28	Nguyên lý kế toán	4070401	3	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	2	Nguyên lý kế toán	3

TT	Đại học M6 - Địa chất (CN Quản trị DN Mỏ)			ĐH Bách Khoa Hà nội (CN Quản trị KD)		ĐH Giao thông Vận tải (CN Quản trị DN Vận tải)		ĐH Kinh tế quốc dân (CN Quản trị doanh nghiệp)	
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
29	Luật Kinh tế	4070107	2	Luật kinh doanh	3				
30	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	4070110	3	Thống kê ứng dụng	3	Nguyên lý thống kê	2		
11.2	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		43						
11.2.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		4						
31	Cơ sở khai thác lộ thiên	4030114	2						
32	Cơ sở khai thác hầm lò	4030222	2						
11.2.2	Kiến thức chuyên ngành		20						
33	Quản trị học	4070203	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản lý học 1	3
34	Quản trị tài chính	4070410	3	Quản trị tài chính (BTL)	4	Quản trị tài chính	3	Quản trị tài chính	3
35	Quản trị chất lượng	4070208	2	Quản trị chất lượng	2	Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải	3		
36	Kinh tế môi trường	4070305	2						
37	Quản trị dự án đầu tư	4070307	3	Quản trị dự án	3	Quản trị dự án trong doanh nghiệp vận tải	3	Quản trị điều hành dự án	3
38	Đồ án quản trị dự án đầu tư	4070308	1						
39	Tin học ứng dụng trong kinh tế	4070106	3						
Hướng chuyên sâu: Quản trị doanh nghiệp khai thác, chế biến, kinh doanh mỏ									
35	Kế toán doanh nghiệp	4070419	3	Kế toán doanh nghiệp (BTL)	4	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp vận tải	3		
Hướng chuyên sâu: Quản trị doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ									
36	Kế toán thương mại, dịch vụ	4070423	3	Kế toán doanh nghiệp (BTL)	4				

TT	Đại học Mở - Địa chất (CN Quản trị DN Mở)			ĐH Bách Khoa Hà Nội (CN Quản trị KD)		ĐH Giao thông Vận tải (CN Quản trị DN Vận tải)		ĐH Kinh tế quốc dân (CN Quản trị doanh nghiệp)	
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
II.2.3	Kiến thức chuyên sâu về Quản trị Kinh doanh Mở		19						
37	Kinh tế công nghiệp mở	4070201	3						
38	Quản trị chiến lược trong DN Mở	4070204	3	Quản trị chiến lược	3	Lập kế hoạch kinh doanh	2	Quản trị chiến lược 1	3
39	Định mức kinh tế kỹ thuật trong DNCN Mở	4070202	2			Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp vận tải	2		
40	Quản trị nhân lực trong DN Mở	4070209	3	Quản trị nhân lực	3	Quản trị nhân lực	3	Quản trị nhân lực	3
41	Quản trị sản xuất trong DN Mở	4070206	3	Quản trị sản xuất (BTL)	4	Quản trị sản xuất	3	Quản trị tác nghiệp 1	3
Hướng chuyên sâu: Quản trị doanh nghiệp khai thác, chế biến, kinh doanh mỏ									
42	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của DNCN Mở	4070210	3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải	3		
43	Đồ án phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của DNCN Mở	4070211	1						
44	Đồ án Quản trị sản xuất trong DN Mở	4070207	1						
Hướng chuyên sâu: Quản trị doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ									
45	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ	4070219	3	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải	3		
46	Đồ án phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh doanh nghiệp dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ	4070220	1						
47	Đồ án Quản trị dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp mỏ	4070221	1						
II.3	Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (SV chọn 6 TC)		6						
48	Tiếng anh chuyên ngành kinh tế	4070105	2	Anh văn chuyên ngành QTKD	3				

TT	Đại học Mở - Địa chất (CN Quản trị DN Mở)			ĐH Bách Khoa Hà nội (CN Quản trị KD)		ĐH Giao thông Vận tải (CN Quản trị DN Vận tải)		ĐH Kinh tế quốc dân (CN Quản trị doanh nghiệp)	
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
49	Mô hình toán kinh tế	4070108	2						
50	Kinh doanh quốc tế	4070109	2	Kinh tế quốc tế	2				
51	Tin học ứng dụng trong kinh tế	4070111	2						
52	Thông kê Kinh tế doanh nghiệp	4070113	2						
53	Lịch sử các học thuyết kinh tế	4070114	2						
54	Tâm lý học quản trị kinh doanh	4070215	2						
55	Quản trị chiến lược	4070217	2						
56	Kinh tế môi trường	4070305	2						
57	Kinh tế phát triển	4070313	2	Kinh tế phát triển	2				
58	Kinh tế nguyên liệu khoáng và đánh giá kinh tế khoáng sản	4070316	2						
59	Quản trị sản xuất	4070330	2						
60	Quản trị dự án đầu tư	4070331	2						
61	Thị trường chứng khoán	4070414	2						
62	Kinh doanh tiền tệ	4070415	2						
63	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp mỏ	4070218	2						
64	Quản trị logistics kinh doanh	4070222	2						
II.4	Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (SV chọn 6 TC)		6						
65	Thực tập nghiệp vụ kinh tế (3 tuần)	4070212	2			Thực tập cơ sở vật chất	2		

TT	Đại học Mỏ - Địa chất (CN Quản trị DN Mỏ)			Đại Học Khoa Hà Nội (CN Quản trị KD)		Đại Học Thương Vận tải (CN Quản trị DN Vận tải)		Đại Học Kinh tế quốc dân (CN Quản trị doanh nghiệp)	
	Tên học phần	Mã HP	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC	Tên học phần	TC
III	Thực tập tốt nghiệp (5 tuần)	4070213	3	Thực tập tốt nghiệp	2	Thực tập tốt nghiệp	3		
IV	Đồ án tốt nghiệp	4070214	7	Khoá luận tốt nghiệp	6	Đồ án tốt nghiệp	10	Chuyên đề thực tập	8
	Tổng cộng		128		132		142		130

BỘ MÔN QUẢN TRỊ DN MỎ

(Signature)

TS. Đào Anh Tuấn

KHOA KINH TẾ - QTKD

(Signature)

TS. Nguyễn Duy Lạc

HIỆU TRƯỞNG



(Signature)

Các chương trình đào tạo đã tham khảo:

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Viện Kinh tế và Quản lý, Đại học Bách khoa Hà Nội.

Địa chỉ truy cập: <http://sem.hust.edu.vn/dao-tao-1/dao-tao-dai-hoc-5/chuong-trinh-cu-nhan-quan-tri-kinh-doanh-10/danh-muc-hoc-phan-chuyen-nganh-qlkd-22>

2. Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp Giao thông vận tải, Đại học Giao thông vận tải Hà Nội.

Địa chỉ truy cập: <http://fte.utc.edu.vn/?q=dao-tao/chuong-trinh-dao-tao>

3. Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Đại học Kinh tế quốc dân

Địa chỉ truy cập: <http://www.daotao.neu.edu.vn/dao-tao-ktqd/QUAN-TRI-DOANH-NGHIEP-ENTERPRISE-MANAGEMENT/151>

Danh mục học phần chuyên ngành QTKD (Đại học Bách Khoa)

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG	KỶ HỌC THEO KẾ HOẠCH CHUẨN							
				1	2	3	4	5	6	7	8
		Số TC từ CT chung toàn trường	42 TC	16	17	6	3	0	0	0	0
		Bổ sung toàn	3 TC	0	0	3	0	0	0	0	0
1	MI3130	Toán kinh tế	3(3-1-0-6)			3					
		Cơ sở và cốt lõi ngành	46 TC	0	0	3	9	15	8	11	0
1	EM3100	Kinh tế học vi mô	3(3-1-0-6)				3				
2	EM3110	Kinh tế học vĩ mô	3(3-1-0-6)				3				
3	EM3111	Quản trị học	3(3-1-0-6)			3					
4	EM3130	Kinh tế lượng	3(3-0-0-6)					3			
5	EM3210	Marketing cơ bản	3(3-0-0-6)					3			
6	EM3220	Luật kinh doanh	3(3-0-0-6)					3			
7	EM3230	Thống kê ứng dụng	3(3-0-0-6)					3			
8	EM3500	Nguyên lý kế toán	3(3-0-0-6)				3				
9	EM3522	Quản trị tài chính (BTL)	4(3-2-0-8)							4	
10	EM4212	Phân tích hoạt động kinh doanh	3(3-0-0-6)							3	
11	EM4312	Quản trị marketing (BTL)	4(3-2-0-8)						4		
12	EM4413	Quản trị nhân lực	3(3-0-0-6)					3			
13	EM4417	Quản trị sản xuất (BTL)	4(3-2-0-8)							4	
14	EM4720	Kế toán doanh nghiệp (BTL)	4(3-2-0-8)						4		
		Thực tập, đồ án tốt nghiệp	8 TC								8
15	EM4350	Thực tập tốt nghiệp	2(0-4-0-8)								2
16	EM4351	Khoá luận tốt nghiệp	6(1-10-0-12)								6
		Tự chọn định hướng									
		(chọn 20TC)	20 TC	0	0	0	0	2	6	6	6
17	EM4211	Anh văn chuyên ngành QTKD	3(3-0-0-6)							3	
18	EM4215	Khởi sự kinh doanh	2(2-0-0-4)								2
19	EM4216	P.pháp ng.cứu trong k.doanh	2(2-0-0-4)					2			
20	EM4218	Hệ thống thông tin quản lý	3(3-0-0-6)							3	
21	EM4314	Hành vi người tiêu dùng	2(2-0-0-4)					2			
22	EM4316	Thương mại điện tử	3(3-0-0-6)						3		
23	EM4317	Marketing dịch vụ	2(2-0-0-4)					2			

[illegible]



NGÀNH

QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 52.34.01.01

GỒM CÁC CHUYÊN NGÀNH

TT	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành
1	Quản trị doanh nghiệp vận tải	52.34.01.01.01
2	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	52.34.01.01.02
3	Quản trị doanh nghiệp bưu chính viễn thông	52.34.01.01.03
4	Quản trị kinh doanh logistic	52.34.01.01.04

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH

THUỘC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 kỳ)
- Tổng số tín chỉ: 142 tín chỉ
- Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	41	2	43	30,28
2	Cơ sở ngành và chuyên môn ngành	42	15	57	40,14
3	Chuyên ngành	38	4	42	29,58
4	Tổng	121	21	142	100

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Giáo dục đại cương

43 tín chỉ (30,38 %)

1.1. Cơ bản

20 tín chỉ

1.1.1. Các môn học bắt buộc:

18 tín chỉ

1	Pháp luật đại cương	2
2	Ngoại ngữ (F1, F2)	7
3	Đại số tuyến tính	2
4	Giải tích	2
5	Xác suất thống kê	2
6	Tin học đại cương	3

1.1.2. Các môn học tự chọn
tín chỉ

2

1	Phương pháp NCKH	2
	Kỹ năng làm việc nhóm	

1.2. Giáo dục quốc phòng
tín chỉ

8

1.3. Giáo dục thể chất (F1 đến F5)

5 tín chỉ

1.4. Chính trị

10 tín chỉ

1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin F1	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin F2	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3

2. Cơ sở ngành và chuyên môn ngành

58 tín chỉ (40,84)

2.1. Bắt buộc

45 tín chỉ

1	Tâm lý học quản lý	2
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Tài chính - Tiền tệ	2
5	Nguyên lý thống kê	2
6	Quản trị marketing	3
7	Kinh tế lượng	3
8	Nguyên lý kế toán	2
9	Kinh tế quản lý	3
10	Quản trị học	3
11	Quản trị sản xuất	3
12	Quản trị nhân lực	3
13	Quản trị chiến lược	3
14	Quản trị tài chính	3
15	Quản trị công nghệ	3
16	Lập kế hoạch kinh doanh	2
17	Thực tập cơ sở vật chất	2

2.2. Tự chọn

13 tín chỉ

1	Kinh tế phát triển	2
	Kinh doanh quốc tế	
2	Pháp luật kinh tế	2
	Giao tiếp trong kinh doanh	
3	Hành vi tổ chức	2
	Hệ thống thông tin quản trị	

4	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3
	Hành vi khách hàng	
5	Quản trị văn phòng	2
	Đàm phán trong kinh doanh	
6	Nghiên cứu Marketing	2
	Đạo đức kinh doanh	

3. Chuyên ngành

3.1. Chuyên ngành *QTDN Vận Tải* 41 tín chỉ (28.78%)

3.1.1. Bắt buộc

39 tín chỉ

1	Kinh tế vận tải	3
2	Tổ chức vận tải	3
3	Quản trị dự án trong doanh nghiệp vận tải	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp vận tải	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp vận tải	2
6	Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải	3
7	Thống kê trong doanh nghiệp vận tải	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp vận tải	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.1.2 Tự chọn

2 tín chỉ

1	a- Quản trị thương hiệu	2
	b- Dự báo trong kinh doanh	

3.2 Chuyên ngành *QTDN XD* 41 tín chỉ (28.78%)

3.2.1. Bắt buộc

39

tín chỉ

1	Kinh tế xây dựng	3
2	Tổ chức điều hành sản xuất	3
3	Quản trị dự án xây dựng công trình giao thông	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp xây dựng	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	2
6	Thống kê trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
7	Quản trị chất lượng sản phẩm xây dựng giao thông	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.2.2 Tự chọn

2 tín chỉ

1	a. Quản trị thương hiệu	2
	b. Dự báo trong kinh doanh	

3.3 Chuyên ngành: *Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông* 41 tín chỉ (28.78%)

TT	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ	
	Bắt buộc	37	

1	Kinh tế bưu chính viễn thông	3	
2	Mạng và dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
3	Lập và quản lý dự án đầu tư bưu chính viễn thông	3	
4	Quản trị chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
5	Quản trị sản xuất kinh doanh bưu chính viễn thông	2	
6	Marketing dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
7	Tài chính doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
8	Kế toán quản trị doanh nghiệp bưu chính viễn thông	3	
9	Phân tích hoạt động kinh doanh bưu chính viễn thông	3	
10	Thống kê doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
	Tự chọn	4	
11	Quy hoạch mạng bưu chính viễn thông	2	
	Định mức lao động BCVT	2	
12	Kế toán doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
	Thanh toán quốc tế trong BCVT	2	
13	Thực tập tốt nghiệp	3	
14	Đồ án tốt nghiệp	10	
	Tổng số	41	

3.4. Chuyên ngành QTKD GTVT

41 tín chỉ (28,78%)

3.4.1. Bắt buộc

39 tín chỉ

1	Kinh tế xây dựng	2
2	Kinh tế vận tải	2
3	Tổ chức điều hành sản xuất	3
4	Tổ chức vận tải	3
5	Quản trị chất lượng sản phẩm	3
6	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp giao thông vận tải	3
7	Thống kê trong doanh nghiệp giao thông vận tải	2
8	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp giao thông vận tải	3
9	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp GTVT	2
11	Quản trị dự án	3
12	Thực tập tốt nghiệp	3
13	Đồ án tốt nghiệp	10

3.4.2. Tự chọn

2 tín chỉ

1	a- Quản trị thương hiệu	2
	b- Dự báo trong kinh doanh	

LIÊN HỆ

Tổng lượng truy cập

Địa chỉ: P.407 - P408 nhà A9, Trường Đại học GTVT, Số 3 Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.3766.0309

E-mail: fte@utc.edu.vn

Website: <http://fte.utc.edu.vn>

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO-ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		MÃ BM	Số tín chỉ	Bố trí các học kỳ			
					1	2	3	4
	Tổng số tín chỉ			73	21	20	21	8
	Kiến thức giáo dục đại cương			18	15			
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>			<i>6</i>	<i>6</i>			
1	1	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3	3			
2	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3	3			
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			12	9	3		
3	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI	3	3			
4	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA	3	3			
5	3	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH	3		3		
6	4	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT	3	3			
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			55	6	20	21	8
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			<i>9</i>	<i>6</i>	<i>3</i>		
7	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE	3	3			
8	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT	3	3			
9	3	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT	3		3		
	<i>Kiến thức chung của ngành</i>			15		15		
10	1	Quản trị chiến lược 1 Strategic Management 1	QTKD	3		3		
11	2	Quản trị Marketing Marketing Management	MKMA	3		3		
12	3	Quản trị tác nghiệp 1 Operations Management 1	QTKD	3		3		
13	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT	3		3		

14	5	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC	3		3		
Kiến thức lựa chọn của ngành <i>(SV tự chọn 1 học phần trong tổ hợp)</i>				2			2	
15	1	Giao tiếp kinh doanh và thuyết trình Business Communication and Presentation	QTVH	2			2	
		Quản trị nhóm Team Management	QTKD					
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành				17		2	15	
16	1	Quản trị chiến lược 2 Strategic Management 2	QTKD	3			3	
17	2	Quản trị tác nghiệp 2 Operations Management 2	QTKD	3			3	
18	3	Quản trị hậu cần Logistics Management	QTKD	3			3	
19	4	Quản trị điều hành dự án Project Execution Management (PEM)	QTKD	3			3	
20	5	Quản trị doanh nghiệp Enterprise Management	QTKD	3			3	
21	6	Đề án Quản trị doanh nghiệp Course Project of Enterprise Management	QTKD	2		2		
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành <i>(Sinh viên tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)</i>				4			4	
22	1	Quản trị công ty Corporate Governance	QTKD	2			2	
		Kỹ năng quản trị Management skills	QTKD					
22	2	Văn hóa và đạo đức kinh doanh Business Ethics and Culture	QTVH	2			2	
		Nghiên cứu kinh doanh Business Research	QTKD					
Chuyên đề thực tập Intership Programme				8				8



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG VẬN TẢI
UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

KHOA VẬN TẢI - KINH TẾ
Faculty of Transport Economics

TRANG CHỦ GIỚI THIỆU BỘ MÔN ĐÀO TẠO TIN TỨC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THÔNG TIN SINH VIÊN EBOOK THƯ VIỆN ẢNH

Trang chủ Đăng nhập

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã số: 52.34.01.01
GỒM CÁC CHUYÊN NGÀNH

TT	Chuyên ngành	Mã chuyên ngành
1	Quản trị doanh nghiệp vận tải	52.34.01.01.01
2	Quản trị doanh nghiệp xây dựng	52.34.01.01.02
3	Quản trị doanh nghiệp bưu chính viễn thông	52.34.01.01.03
4	Quản trị kinh doanh logistic	52.34.01.01.04

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC CHUYÊN NGÀNH THUỘC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Thời gian đào tạo: 4 năm (8 kỳ)
- Tổng số tín chỉ: 142 tín chỉ
- Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	41	2	43	30,28
2	Cơ sở ngành và chuyên môn ngành	42	15	57	40,14
3	Chuyên ngành	38	4	42	29,58
4	Tổng	121	21	142	100

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Giáo dục đại cương

43 tín chỉ (30,38 %)

1.1. Cơ bản

20 tín chỉ

1.1.1. Các môn học bắt buộc:

18 tín chỉ

1	Pháp luật đại cương	2
2	Ngoại ngữ (F1, F2)	7
3	Đại số tuyến tính	2
4	Giải tích	2
5	Xác suất thống kê	2
6	Tin học đại cương	3

1.1.2. Các môn học tự chọn 2
tín chỉ

1	Phương pháp NCKH	2
	Kỹ năng làm việc nhóm	

1.2. Giáo dục quốc phòng 8
tín chỉ

1.3. Giáo dục thể chất (F1 đến F5) 5 tín chỉ

1.4. Chính trị 10 tín chỉ

1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin F1	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin F2	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3

2. Cơ sở ngành và chuyên môn ngành 58 tín chỉ (40,84)

2.1. Bắt buộc 45 tín chỉ

1	Tâm lý học quản lý	2
2	Kinh tế vi mô	3
3	Kinh tế vĩ mô	3
4	Tài chính - Tiền tệ	2
5	Nguyên lý thống kê	2
6	Quản trị marketing	3
7	Kinh tế lượng	3
8	Nguyên lý kế toán	2
9	Kinh tế quản lý	3
10	Quản trị học	3
11	Quản trị sản xuất	3
12	Quản trị nhân lực	3
13	Quản trị chiến lược	3
14	Quản trị tài chính	3
15	Quản trị công nghệ	3
16	Lập kế hoạch kinh doanh	2
17	Thực tập cơ sở vật chất	2

2.2. Tự chọn 13 tín chỉ

1	Kinh tế phát triển	2
	Kinh doanh quốc tế	
2	Pháp luật kinh tế	2
	Giao tiếp trong kinh doanh	
3	Hành vi tổ chức	2
	Hệ thống thông tin quản trị	

4	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3
	Hành vi khách hàng	
5	Quản trị văn phòng	2
	Đảm phán trong kinh doanh	
6	Nghiên cứu Marketing	2
	Đạo đức kinh doanh	

3. Chuyên ngành**3.1. Chuyên ngành QTDN Vận Tải****41 tín chỉ (28.78%)****3.1.1. Bắt buộc****39 tín chỉ**

1	Kinh tế vận tải	3
2	Tổ chức vận tải	3
3	Quản trị dự án trong doanh nghiệp vận tải	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp vận tải	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp vận tải	2
6	Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải	3
7	Thống kê trong doanh nghiệp vận tải	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp vận tải	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp vận tải	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.1.2. Tự chọn**2 tín chỉ**

1	a- Quản trị thương hiệu	2
	b- Dự báo trong kinh doanh	

3.2 Chuyên ngành QTDN XD**41 tín chỉ (28.78%)****3.2.1. Bắt buộc****39****tín chỉ**

1	Kinh tế xây dựng	3
2	Tổ chức điều hành sản xuất	3
3	Quản trị dự án xây dựng công trình giao thông	3
4	Lập dự toán hồ sơ thầu trong doanh nghiệp xây dựng	3
5	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	2
6	Thống kê trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
7	Quản trị chất lượng sản phẩm xây dựng giao thông	3
8	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
9	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp xây dựng giao thông	3
10	Thực tập tốt nghiệp	3
11	Đồ án tốt nghiệp	10

3.2.2. Tự chọn**2 tín chỉ**

1	a. Quản trị thương hiệu	2
	b. Dự báo trong kinh doanh	

3.3 Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông 41 tín chỉ (28.78%)

TT	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ	
	Bắt buộc	37	

1	Kinh tế bưu chính viễn thông	3	
2	Mạng và dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
3	Lập và quản lý dự án đầu tư bưu chính viễn thông	3	
4	Quản trị chất lượng dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
5	Quản trị sản xuất kinh doanh bưu chính viễn thông	2	
6	Marketing dịch vụ bưu chính viễn thông	2	
7	Tài chính doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
8	Kế toán quản trị doanh nghiệp bưu chính viễn thông	3	
9	Phân tích hoạt động kinh doanh bưu chính viễn thông	3	
10	Thống kê doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
	Tự chọn	4	
11	Quy hoạch mạng bưu chính viễn thông	2	
	Định mức lao động BCVT	2	
12	Kế toán doanh nghiệp bưu chính viễn thông	2	
	Thanh toán quốc tế trong BCVT	2	
13	Thực tập tốt nghiệp	3	
14	Đồ án tốt nghiệp	10	
	Tổng số	41	

3.4. Chuyên ngành QTKD GTVT 41 tín chỉ (28,78%)

3.4.1. Bắt buộc 39 tín chỉ

1	Kinh tế xây dựng	2
2	Kinh tế vận tải	2
3	Tổ chức điều hành sản xuất	3
4	Tổ chức vận tải	3
5	Quản trị chất lượng sản phẩm	3
6	Kế toán quản trị trong doanh nghiệp giao thông vận tải	3
7	Thống kê trong doanh nghiệp giao thông vận tải	2
8	Phân tích hoạt động kinh tế trong doanh nghiệp giao thông vận tải	3
9	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp GTVT	2
11	Quản trị dự án	3
12	Thực tập tốt nghiệp	3
13	Đồ án tốt nghiệp	10

3.4.2. Tự chọn 2 tín chỉ

1	a- Quản trị thương hiệu	2
	b- Dự báo trong kinh doanh	

LIÊN HỆ

Địa chỉ: P.407 - P408 nhà A9, Trường Đại học GTVT, Số 3 Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Điện thoại: 04.3766.0309
E-mail: fte@utc.edu.vn
Website: http://fte.utc.edu.vn

Tổng lượng truy cập

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO-ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		MÃ BM	Số tín chỉ	Bố trí các học kỳ			
					1	2	3	4
	Tổng số tín chỉ			73	21	20	21	8
	Kiến thức giáo dục đại cương			18	15			
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>			<i>6</i>	<i>6</i>			
1	1	Toán cho các nhà kinh tế 2 Mathematics for Economics 2	TOCB	3	3			
2	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán 1 Probability and Mathematical Statistics 1	TOKT	3	3			
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			12	9	3		
3	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI	3	3			
4	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA	3	3			
5	3	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH	3		3		
6	4	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT	3	3			
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			55	6	20	21	8
	<i>Kiến thức bắt buộc của Trường</i>			<i>9</i>	<i>6</i>	<i>3</i>		
7	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE	3	3			
8	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories 1	NHLT	3	3			
9	3	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT	3		3		
	<i>Kiến thức chung của ngành</i>			<i>15</i>		<i>15</i>		
10	1	Quản trị chiến lược 1 Strategic Management 1	QTKD	3		3		
11	2	Quản trị Marketing Marketing Management	MKMA	3		3		
12	3	Quản trị tác nghiệp 1 Operations Management 1	QTKD	3		3		
13	4	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT	3		3		

14	5	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC	3		3		
Kiến thức lựa chọn của ngành (SV tự chọn 1 học phần trong tổ hợp)				2			2	
15	1	Giao tiếp kinh doanh và thuyết trình Business Communication and Presentation	QTVH	2			2	
		Quản trị nhóm Team Management	QTKD					
Kiến thức bắt buộc của chuyên ngành				17		2	15	
16	1	Quản trị chiến lược 2 Strategic Management 2	QTKD	3			3	
17	2	Quản trị tác nghiệp 2 Operations Management 2	QTKD	3			3	
18	3	Quản trị hậu cần Logistics Management	QTKD	3			3	
19	4	Quản trị điều hành dự án Project Execution Management (PEM)	QTKD	3			3	
20	5	Quản trị doanh nghiệp Enterprise Management	QTKD	3			3	
21	6	Đề án Quản trị doanh nghiệp Course Project of Enterprise Management	QTKD	2		2		
Kiến thức lựa chọn của chuyên ngành (Sinh viên tự chọn 1 học phần trong mỗi tổ hợp)				4			4	
22	1	Quản trị công ty Corporate Governance	QTKD	2			2	
		Kỹ năng quản trị Management skills	QTKD					
22	2	Văn hóa và đạo đức kinh doanh Business Ethics and Culture	QTVH	2			2	
		Nghiên cứu kinh doanh Business Research	QTKD					
Chuyên đề thực tập Intership Programme				8				8